TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4- 2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hồng
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan
2. Ông Nguyễn Chí Vương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1994 (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Trú tại: Tổ 8, Khu phố 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh C**,** sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 1, Khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại nội dung đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bàyt:

Chị T và anh C kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Sau khi phát sinh mâu thuẫn thì chị T và anh C đã ly thân. Nay vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hạo N, sinh ngày 12/3/2013, hiện tại con chung đang do chị T nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nên tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: anh Nguyễn Minh C đã được Tòa án nhân dân huyện H tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà không lý do. Anh C cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Phía bị đơn được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng.Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn, anh C vắng mặt suốt quá trình giải quyết của Tòa án, không có ý kiến về việc ly hôn nên coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị T được ly hôn với anh C. Các vấn đề khác do đương sự chưa hoặc không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện vụ án ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Minh C cư trú tại trị trấn T, huyện H, nên đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Anh C được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, phía nguyên đơn cũng yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội

đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C và chị T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn T), huyện H, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 122 ngày 10/9/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau và hiện tại vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, chị T đã không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống. Qua xác minh tại địa phương thì trong thời gian chung sống giữa anh C và chị T có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau. Như vậy, có cơ sở xác định yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và mục đích của hôn nhân của các bên đã không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Hiện tại con chung đang do chị T nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi thì cháu cũng có nguyện được ở cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Nguyễn Hạo N cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

[7] Tại phiên Tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

[2] Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hạo N, sinh ngày 12/3/2013 cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T chưa yêu cầu nên Tòa án không xét xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001764 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- CCTHADS huyện H
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng